

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LÀO CAI  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/01/2023

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI – TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Minh Yên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Văn Ngân

2. Bà Vũ Thị Hòa

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lưu Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vàng Thị Nh, địa chỉ: Thôn P, xã T, thành phố C, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vi Văn T, Địa chỉ: Thôn P, xã T, thành phố C, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án nguyên đơn chị Vàng Thị Nh trình bày: Chị và anh Vi Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 20/4/2009 tại UBND xã T, thành phố Lào Cai. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã nhau, anh Vi Văn T nhiều lần đánh chị, hành hạ cả về thể xác và tinh thần, nhưng chị không có chứng cứ chứng minh. Chị Nh đã không còn ở cùng nhà với anh T từ tháng 02/2022

đến nay. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Vi Quốc B, sinh ngày 26/9/2009 và cháu Vi Bảo C, sinh ngày 22/02/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh Vi Văn T tại Thôn P, xã T, thành phố C. Nguyên vọng của chị khi ly hôn là giao cả hai cháu cho anh Vi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, do chị không có điều kiện nên không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vi Văn T tại biên bản ghi lời khai ngày 19/12/2022 tại Tòa án xác định: Anh và chị Nh kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 12/2021 thì chị Nh bảo đi làm tại Lào Cai và ngoại tình dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Việc chị Nh có mối quan hệ ở ngoài anh không có chứng cứ chứng minh, nhưng chị Nh không quan tâm đến gia đình và các con. Từ tháng 02/2022 chị Nh bỏ đi đâu ở đến nay, anh không biết chị Nh ở đâu, làm gì. Nay chị Nh khởi kiện xin ly hôn anh không đồng ý nhưng không đưa ra lý do. Về con chung: Anh T xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu Vi Bảo C và cháu Vi Quốc B, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh tại thôn P, xã T. Các cháu đều đang đi học bình thường. Do anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con và tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn bị đơn đã chấp hành các quy định của pháp luật về tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 điều 147, Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Vàng Thị Nh được ly hôn anh Vi Văn T, giao cả hai con chung của chị Nh và anh T là cháu Vi Quốc B, sinh ngày 26/9/2009 và cháu Vi Bảo C, sinh ngày 22/02/2015 cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục, đến khi các cháu trưởng thành. Chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuyên nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “Ly

hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ tại Thôn P, xã T, thành phố C, tỉnh Lào Cai. Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Vàng Thị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Vi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại điều 227, 228 và điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Vàng Thị Nh và anh Vi Văn T có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị Nh và anh T chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, cả chị Nh và anh T đều xác nhận anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 02/2022 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị Nh cho rằng chị bị đánh đập nhưng không có căn cứ chứng minh, anh T xác định nguyên nhân mâu thuẫn do chị Nh ngoại tình nhưng cũng không có căn cứ chứng minh. Tuy nhiên qua lời khai của cả chị Nh và anh T trong quá trình giải quyết vụ án xác định anh chị có mâu thuẫn và đã không cùng chung sống với nhau từ tháng 02/2022 đến nay. Kết quả xác minh tại thôn Phời 2, xã Tả Phời thành phố Lào Cai nơi chị Nh và anh T đăng ký hộ khẩu thường trú cho thấy giữa chị Nh và anh T có mâu thuẫn cãi nhau, hiện nay chị Nh đã không còn sinh sống cùng gia đình anh T nữa. Như vậy có thể thấy hôn nhân của chị Nh và anh T đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau do đó mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Nh có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T là có căn cứ, do cả hai anh chị đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị Vàng Thị Nh, xử cho chị được ly hôn với anh Vi Văn T. Hôn nhân giữa chị Vàng Thị Nh và anh Vi Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

-Về con chung: Chị Vàng Thị Nh và anh Vi Văn T có 02 con chung là cháu Vi Quốc B, sinh ngày 26/9/2009 và cháu Vi Bảo C, sinh ngày 22/02/2015; Do chị Vàng Thị Nh có yêu cầu giao cả hai con chung cho anh Vi Văn T nuôi dưỡng, lý do từ ngày chị đi khỏi nhà cả hai cháu do anh T nuôi dưỡng, hiện nay chị không có việc làm, không có thu nhập, không có chỗ ở nên không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con, do đó chị không cấp dưỡng nuôi con. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của các cháu Vi Quốc B và Vi Bảo C, cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với bố. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy cả hai cháu Lâm, Tú hiện đang ở cùng anh T, do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Lời khai của anh T cũng xác định hiện cả hai cháu do anh nuôi dưỡng, chăm sóc, các cháu vẫn được đi học và nuôi dưỡng chăm

sóc đầy đủ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Vàng Thị Nh giao con chung của chị Vàng Thị Nh và anh Vi Văn T là cháu Vi Quốc B, sinh ngày 26/9/2009 và cháu Vi Bảo C, sinh ngày 22/02/2015 cho anh Vi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị Vàng Thị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Vàng Thị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Vàng Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vàng Thị Nh, cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vàng Thị Nh được ly hôn anh Vi Văn T. Hôn nhân của chị Vàng Thị Nh và anh Vi Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung của chị Vàng Thị Nh và anh Vi Văn T là cháu Vi Quốc B, sinh ngày 26/9/2009 và cháu Vi Bảo C, sinh ngày 22/02/2015 cho anh Vi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến các cháu đủ 18 tuổi, chị Vàng Thị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vàng Thị Nh phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Vàng Thị Nh đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai ký hiệu: AC-21P, số 0001826 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Chị Vàng Thị Nh đã thi hành xong khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND TP; VKSND tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS TP Lào Cai;
- Các đương sự;
- UBND xã T ;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Lý Thị Minh Yên**

